**Bài 2: SÁNG CHẾ CÔNG NGHỆ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẤN ĐẠT**

-Vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.

- Lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

-có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

- HSKT : Nghe và tiếp nhận KT

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên :**

- Giáo án, SGK., Các hình ảnh trong SGK Bài 2, Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập.

**2. Học sinh :**

**-** Vở ghi, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. KHỞI ĐỘNG** - GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi:*Em có biết điện thoại do ai sáng chế ra không?*Cách đổi màn hình điện thoại cho hệ điều hành iOS và Android- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: *Điện thoại là một sáng chế trong đời sống của chúng ta. Để hiểu rõ về vai trò của sáng chế, lớp chúng ta hãy cùng đến với* ***Bài 2 – Nhà sáng chế công nghệ.*** | - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ trả lời câu hỏi. - HS trả lời:*Điện thoại do A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo sáng chế.* - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học. |

**2. KHÁM PHÁ**

|  |  |
| --- | --- |
| **a.Tìm hiểu về vai trò của sáng chế trong đời sống**- GV yêu cầu HS cá nhân thực hiện nhiệm vụ: *Quan sát các hình, đọc thông tin gợi ý và cho biết vai trò của sáng chế trong đời sống.* - GV mời đại diện HS trả lời. Các HS còn lại lắng nghe, nêu ý kiến khác. - GV nhận xét và kết luận: *Những sáng chế như: bóng đèn điện, động cơ điện, ti vi, điện thoại, ô tô,... đã giúp cho cuộc sống con người ngày càng tiện nghi và văn minh hơn..* ***b.*****Tìm hiểu vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ**- GV yêu cầu HS nhóm đôi quan sát các hình ảnh SGK trang 10 và thực hiện nhiệm vụ:  *Quan sát hình, đọc thông tin gợi ý và cho biết vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ.* - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời. Các cặp khác nhận xét và bổ sung.- GV nhận xét và kết luận: *Sáng chế giúp công nghệ giao thông vận tải, công nghệ tự động hóa sản xuất, công nghệ thông tin,... ra đời và phát triển.* | - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu trả lời câu hỏi. - HS trả lời:*+ Bóng đèn điện: chiếu sáng.**+ Động cơ điện: làm quạt điện.* - HS lắng nghe.- HS nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ. - Đại diện HS trình bày:*+ Động cơ: Thúc đẩy công nghệ giao thông vận tải phát triển.**+ Robot: Thúc đẩy công nghệ tự động hóa sản xuất phát triển.**+ Internet: Thúc đẩy công nghệ thông tin phát triển.* - Hs thảo luận chia sẻ.- HS lắng nghe.  |

**3. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| - **Gv tổ chức cho Hs chơi Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?**- GV tổ chức cho HS chơi trò *Ai nhanh, ai đúng?* theo đôi: *Cùng bạn ghép thẻ vai trò của sáng chế trong đời sống và công nghệ phù hợp với hình tương ứng:* - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét. - GV nhận xét. | - HS (nhóm đôi) tích cực tham gia trò chơi. - Đại diện nhóm trình bày:*+ Máy tính và Internet: giúp mọi người kết nối, trao đổi thông tin nhanh chóng, thuận lợi.**+ Tấm pin năng lượng mặt trời: giúp công nghệ năng lượng phát triển.* - HS lắng nghe.  |

**4. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.? Em hãy cho biết vai trò của sản phẩm công nghệ trong cuộc sống. | - Hs chú ý lắng nghe.- HS lắng nghe ghi nhớ.- HS thảo luận chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………